

Bản án số: 590/2026/HS-PT
Ngày 28 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Thẩm phán: 1. Ông Huỳnh Văn Trục.

2. Bà Lê Thị Thương Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Minh Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 451/HSPT ngày 01 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 140/2026/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2001 tại Sóc Trăng (nay là Cần Thơ); nơi thường trú: Tổ E, ấp C, xã Đ, huyện T (nay là xã Đ), tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: 4429 đường N, khu phố D (cũ là khu phố A), phường T, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị T1; có chồng (tên Lương Văn Túc T2 là bị cáo trong vụ án) và 01 con sinh ngày 19/12/2022; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/7/2025 đến nay; tại ngoại, có mặt.

- Ngoài ra, còn có 04 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

- Người bào chữa: Bà Trần Ngọc Đăng K và ông Lê Văn T3, Luật sư TNHH S thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, bà K có mặt, ông T3 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 05/4/2024, tổ công tác thuộc Công an P2, Quận F kiểm tra hành chính nhà số B đường B, Phường I, Quận F (nhà này do vợ chồng Lương Văn Túc T2, Nguyễn Thị Cẩm T và bà Lê Võ Diễm H hùn tiền thuê của bà V Ứng Muối để ở) thì phát hiện tại phòng ngủ của vợ chồng T2, T tại lầu 1 có một số đối tượng gồm Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1, Nguyễn Thị Cẩm T, Lê Võ Diễm H có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra, đã thu giữ ngay trong phòng 01 cái cốc có dính chất màu cam; 02 tờ tiền được cuộn tròn (01 tờ có mệnh giá 50.000 đồng dính bột màu trắng, 01 tờ có mệnh giá 1.000 đồng chứa tinh thể); 01 đĩa sứ bị vỡ có dính bột màu trắng. Ngoài ra, còn thu giữ của T 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Iphone 15 Promax màu xanh, 01 chiếc hiệu Nokia màu đen); thu giữ của N1 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Iphone 14 Promax màu trắng, 01 chiếc hiệu Iphone X màu trắng); thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax màu xanh; thu giữ của H 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Iphone 14 Promax, 01 chiếc hiệu Redmi màu xanh ngọc). Sau đó, tổ công tác đã giao các đối tượng này cùng vật chứng nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1, Nguyễn Thị Cẩm T, Lê Võ Diễm H khai:

Lương Văn Túc T2 và Nguyễn Thị Cẩm T là vợ chồng, cả hai thuê căn nhà số B đường B, Phường I, Quận F của bà V Ứng Muối để ở và đi làm. Trong thời gian ở tại đây, T2 và T đã nhiều lần cùng với Bùi Hữu N1, Lê Võ Diễm H và một số người bạn của T2 sử dụng ma túy tại phòng ngủ của vợ chồng T2 và T, cụ thể:

- Lần 1: Tối ngày 30/3/2024, T4 và bạn gái của T4 tên thường gọi là X (đều không rõ lai lịch) đem ma túy khay đến rủ T2, T, N1, H cùng sử dụng. Tại phòng ngủ của vợ chồng T, T2 (địa chỉ B đường B), T4 đổ ma túy ra đĩa (đĩa của T2 có sẵn trong nhà), dùng bật lửa đốt hơi nóng, rồi cà nhuyển ma túy trong đĩa. Sau đó, T4 dùng tờ tiền cuộn lại thành ống hút để cùng X, T2, T, N1, H lần lượt sử dụng.

- Lần 2: Tối ngày 02/4/2024, T2 và N1 rủ nhau hùn tiền mua ma túy về rủ T, H cùng sử dụng. Sau đó, thông qua trang mạng T5, T2 liên lạc với một người tên M (không rõ lai lịch) hỏi mua ma túy với giá 3.600.000 đồng (gồm ma túy khay, thuốc lắc, nước vui; T2 và N1 mỗi người hùn 1.800.000 đồng). Trong lần sử dụng ma túy này, T2 và Nghĩa là người chuẩn bị dụng cụ và ma túy, T2 để ma túy khay lên tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, dùng bật lửa đốt hơi phía dưới tờ tiền cho nóng, rồi đổ ma túy khay ra đĩa sứ, cà nhuyển để cùng T, N1, H lần lượt sử dụng; Nghĩa là người pha nước vui; còn thuốc lắc thì để trên bàn, ai sử dụng thì tự lấy uống.

- Lần 3: Tối ngày 03/4/2024, T2 lấy ra khoảng 05 gam ma túy (loại Ketamine hay còn gọi là ma túy khay) và 08 viên thuốc lắc để T2, N1, T, H cùng sử dụng. Lần sử dụng ma túy này, T2 và N1 cùng nhau hơi nóng ma túy khay, cà nhuyển ma túy trên đĩa, rồi chia thành các đường để cùng T, H sử dụng; còn thuốc

lắc đẽ trên bàn, ai có nhu cầu thì tự lấy uống. Và mọi người luân phiên nhau sử dụng cho đến khi hết ma túy.

- Lần 4: Tối ngày 04/4/2024, T2 lấy ra khoảng 05 gam ma túy khay và 05 viên thuốc lắc; N1 bỏ ra 01 gói ma túy (loại nước vui) để T2, N1, T, H cùng sử dụng. Lần sử dụng ma túy này, Nghĩa là người pha nước vui; Tổ hơ nóng ma túy khay và cà nhuễn ma túy trên đĩa, rồi chia thành các đường đẽ T2, N1, T, H cùng sử dụng; còn thuốc lắc đẽ trên bàn, ai có nhu cầu thì tự lấy uống. Và mọi người luân phiên nhau sử dụng cho đến khi hết ma túy.

Về nguồn gốc ma túy, Lương Văn Túc T2 khai trong khoảng thời gian từ ngày 02/4/2024 đến ngày 04/4/2024, T2 và Bùi Hữu N1 đã hùn tiền mua ma túy về để bán và sử dụng tổng cộng 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Tối ngày 02/4/2024, thông qua trang mạng Telegram, T2 liên lạc với một người tên M (không rõ lai lịch) hỏi mua ma túy (gồm ma túy khay, thuốc lắc, nước vui) với giá 3.600.000 đồng (T2 và N1 mỗi người hùn 1.800.000 đồng) để sử dụng và ma túy được một người giao hàng (không rõ lai lịch) đem đến giao tại nhà của T2 (địa chỉ B đường B, Phường I, Quận F).

Lần 2: Khoảng 10 giờ ngày 03/4/2024, T2 liên lạc với một người tên P thông qua số điện thoại 0857678103 hỏi mua 100 gam ma túy loại Ketamine với giá 43.000.000 đồng và 100 viên thuốc lắc với giá 16.500.000 đồng (tổng cộng là 59.500.000 đồng; N1 hùn 43.000.000 đồng, T2 hùn 16.500.000 đồng). Sau khi nhận 43.000.000 đồng tiền mua ma túy từ N1 thông qua số tài khoản 0921000716616, mở tại Ngân hàng V1 (chủ tài khoản Bùi Hữu N1); T2 đã chuyển 59.500.000 đồng tiền mua ma túy cho P thông qua số tài khoản 2636686868, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q2 (chủ tài khoản Huỳnh Phú Q) vào lúc 10 giờ 59 phút ngày 03/4/2024.

Lần 3: Ngày 04/4/2024 thông qua trang mạng Telegram, T2 liên lạc với một người tên N2 (tên nickname “Tiểu Yến”) hỏi mua 48 gói nước vui với giá 82.500.000 đồng (N1 hùn 82.000.000 đồng, T2 hùn 500.000 đồng). Sau khi nhận 82.000.000 đồng tiền mua ma túy từ N1 thông qua số tài khoản 0921000716616, mở tại Ngân hàng V1 (chủ tài khoản Bùi Hữu N1); T2 đã chuyển 82.500.000 đồng tiền mua ma túy cho N2 thông qua số tài khoản 040007572222, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S1, chủ tài khoản Dương Tiểu N2 (Tổ chuyển tiền cho N2 tổng cộng 02 lần, lần đầu chuyển 8.500.000 đồng vào lúc 13 giờ 38 phút, lần hai chuyển 74.000.000 đồng vào lúc 13 giờ 39 phút cùng ngày 04/4/2024).

Sau khi nhận được ma túy của 02 lần sau (ngày 3, ngày 4/4/2024), T2 và N1 chia ma túy ra theo tỉ lệ tương đương với số tiền mà T2, N1 đã bỏ ra. Theo đó, T2 lấy khoảng 25 gam Ketamine, 35 viên thuốc lắc, 03 gói nước vui; N1 lấy khoảng 75 gam Ketamine, 65 viên thuốc lắc, 45 gói nước vui để bán và sử dụng.

Ngoài ra, T2 còn mua của một người tên T3 (không rõ lai lịch) 05 gói ma túy khay với giá 1.400.000 đồng/gói (tổng cộng là 7.000.000 đồng, nhưng T2 chưa trả tiền cho T3). Sau đó, T3 cho T2 số điện thoại của Đinh Công D để Tổ liên lạc

nhận ma túy từ D tại khu vực hẻm A đường Đ, phường B, quận B. Lần đầu, T2 nhận 03 gói ma túy vào khoảng 23 giờ ngày 04/4/2024 và đã bán lại cho một người có tên nickname “Su Mi” (không rõ lai lịch) tại khu vực trước nhà số B đường số H, phường B, quận B với giá 1.800.000 đồng/gói (tổng cộng là 5.400.000 đồng, nhưng T2 chưa nhận tiền); lần hai, T2 nhận 02 gói ma túy vào khoảng 03 giờ ngày 05/4/2024 và đã bán lại cho một người có tên nickname “My N3” (không rõ lai lịch) tại khu vực trước nhà số I đường L, Phường H, Quận F với giá 1.800.000 đồng/gói (tổng cộng là 3.600.000 đồng, nhưng T2 chưa nhận tiền). Riêng số ma túy Tổ mua của P và N2, T2 lấy ra một ít sử dụng vào tối ngày 03 và ngày 04/4/2024 tại phòng ngủ của vợ chồng T2; phần còn lại T2 để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị Công an kiểm tra, nên T2 đã đổ hết vào nhà vệ sinh và xả nước để phi tang.

Bùi Hữu N1 khai tương tự lời khai của Lương Văn T6 Tổ về nguồn gốc ma túy và khai do trước đây N1 có mượn của Phạm Hòa T7 ở P, tỉnh Kiên Giang số tiền 111.000.000 đồng để làm ăn, nên T7 nhờ N1 mua giúp ma túy tương đương với số tiền mà N1 nợ để gửi cho T7. Tính đến ngày bị bắt, N1 đã chuyển tiền cho T2 02 lần, tổng cộng là 125.000.000 đồng để nhờ Tổ mua giúp khoảng 75 gam ma túy (loại Ketamine), 65 viên thuốc lắc, 45 gói nước vui. Sau khi nhận được ma túy từ Tổ, N1 giữ lại 01 gói nước vui để sử dụng chung với T2, T, H vào tối ngày 04/4/2024; toàn bộ số ma túy còn lại (tương đương số tiền 118.600.000 đồng), N1 đã gửi hết cho T7. Ngoài ra N1 còn khai ngày 28/3/2024, N1 có cùng Lê Võ Diễm H sử dụng ma túy (loại nước vui) tại nhà bạn của H tên là K1 (không rõ lai lịch), nhưng N1 không nhớ địa chỉ. Sau đó, H nói với N1 việc K1 yêu cầu trả tiền “nước vui” mà N1 và H đã sử dụng (mỗi người 1.250.000 đồng). Nghe vậy, N1 liền chuyển vào tài khoản của H 2.500.000 đồng, để H trả cho K1.

Nguyễn Thị Cẩm T khai nhận hành vi sử dụng ma túy tại nhà số B đường B, Phường I, Quận F từ ngày 30/3/2024 đến ngày 04/4/2024 như nêu trên. Việc sử dụng ma túy đều diễn ra tại phòng ngủ của vợ chồng T và T2, ngoài ra không sử dụng tại nơi nào khác trong căn nhà này; T cũng đồng ý cho mọi người sử dụng ma túy tại đây và có cùng sử dụng ma túy với mọi người vì đây là phòng khép kín nên thuận tiện cho việc sử dụng ma túy. Lê Võ Diễm H là chị họ của T, nên T2 cho thuê lại 01 phòng và góp tiền 3.500.000 đồng/tháng, H ở phòng riêng, tiền thuê nhà của H thì H đã đưa cho T và T đã chuyển lại cho T2. Còn việc T2 và N1 mua bán trái phép chất ma túy như thế nào, mua ma túy của ai, T hoàn toàn không biết và cũng không phụ giúp gì cho T2 trong việc mua bán ma túy.

Lê Võ Diễm H khai: Ngày 26/3/2024, H có chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Cẩm T 7.000.000 đồng để thuê lại 01 phòng trong căn nhà số B đường B, Phường I, Quận F (trong đó có 3.500.000 đồng là tiền thuê nhà, 3.500.000 đồng là tiền cọc nhà); căn nhà này do vợ chồng T2 và T thuê, nhưng thuê của ai thì H không biết. Đến ngày 02/4/2024, H dọn đến ở tại căn nhà trên. Tuy nhiên, trước đó ngày 30/3/2024 H có qua nhà T2 chơi và sử dụng ma túy cùng T, T2, N1 và hai người bạn của T2 tên T4, X tại phòng ngủ của vợ chồng T2, ma túy là của T4, X đem đến. Sau khi dọn đến nhà số B đường Bà K2 ở, H đã sử dụng ma túy cùng

với T, T2, N1 vào các ngày 02, 03 và 04/4/2024 và cả 03 lần sử dụng ma túy này đều tại phòng ngủ của vợ chồng T2; ma túy là của T2 và N1 bỏ ra, H không tiền để mua ma túy, cũng không cung cấp dụng cụ để cùng sử dụng. Ngoài ra H còn khai ngày 28/3/2024, H có cùng Bùi Hữu N1 sử dụng ma túy (loại nước vui) tại nhà bạn của H tên là K1 (không rõ lai lịch) ở khu dân cư T, quận B, nhưng H không nhớ địa chỉ.

Từ lời khai của Lương Văn Túc T2, ngày 05/4/2024 tổ công tác thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Q1 phối hợp với Công an phường B, quận B kiểm tra hành chính nhà số A đường Đ, phường B, quận B. Tại thời điểm kiểm tra, trong nhà có mặt Đinh Công D và Đặng Thị Tuyết L (bạn gái của D) có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra, tổ công tác đã thu giữ trong túi xách màu nâu của L 01 gói nylon màu đỏ có chữ «Ferari» chứa bột màu trắng; thu giữ trong chiếc ví màu đen của D 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng (được cuộn tròn), bên trong chứa chất bột màu trắng và 01 gói nylon dính bột màu trắng (L và D đều khai là ma túy). Ngoài ra, còn thu giữ của D 01 chiếc điện thoại di động hiệu S2, 03 cân điện tử; thu giữ của L 01 chiếc điện thoại di động hiệu S2.

Tại Cơ quan điều tra, Đinh Công D khai: Khoảng từ 16 đến 17 giờ ngày 04/4/2024, thông qua mạng T5, L1 (không rõ lai lịch, D xác định L1 còn có tên gọi khác là T3) gọi điện cho D nói có người giao đồ qua nhờ D giữ giùm và đến tối sẽ có người đến lấy. Sau khi nhận được đồ, D mở ra và biết là ma túy, nên gọi lại cho L1 để xác nhận số lượng ma túy với L1 là 07 gói (trong đó 5 bịch nylon chứa ma túy khay, 01 bịch nylon dính bột màu trắng, 01 gói nước vui có chữ Ferari). Đến khuya ngày 04/04/2024 và rạng sáng ngày 05/4/2025, Lương Văn T6 Tổ qua gặp D tại khu vực hẻm A đường Đ, phường B, quận B lấy 02 lần, tổng cộng 05 gói ma túy khay; sót lại 01 gói màu đỏ ghi chữ F, D lấy đưa cho Đặng Thị Tuyết L giữ, còn 01 gói nylon dính bột màu trắng D cất trong ví, đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 05/04/2024 thì bị kiểm tra bắt giữ. Riêng tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng (được cuộn tròn), bên trong chứa ma túy khay là của D, nhưng D không nhớ cất giấu tờ tiền (bên trong có ma túy) này trong ví từ khi nào và D cũng không nhớ nguồn gốc ma túy là ở đâu có.

Đặng Thị Tuyết L khai gói nylon màu đỏ có chữ «Ferari» chứa ma túy bị thu giữ là của Đinh Công D đưa L giữ giùm, còn nguồn gốc gói ma túy này ở đâu D có, L hoàn toàn không biết.

Theo kết quả xét nghiệm chất ma túy của Trạm y tế Phường 9, Quận F, Lương Văn Túc T, Bùi Hữu N1, Nguyễn Thị Cẩm T, Đặng Thị Tuyết L, Lê Võ Diễm H đều dương tính với ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 4466/KL-KTHS ngày 15 tháng 4 năm 2024, Phòng K3 Công an Thành phố H đã kết luận:

- Gói 01, gói 02, gói 03, gói 04 được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Lương Văn Túc T2, Trần Trí H1 (người chứng kiến) và hình dấu Công an Phường 9, Quận F, bên trong có:

+ Gói 01: 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng chứa tinh thể không màu (ký hiệu m1) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0136g (không phải không một ba sáu gam), loại Ketamine.

+ Gói 02: 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng dính bột màu trắng (ký hiệu m2) cần giám định, không xác định được khối lượng do mẫu quá ít, tìm thấy Ketamine.

+ Gói 03: 01 chiếc cốc dính chất màu cam (ký hiệu m3) cần giám định, không xác định được khối lượng do mẫu quá ít, tìm thấy Ketamine.

+ Gói 04: 01 bịch nylon màu đen chứa 01 đĩa sứ bị vỡ dính bột màu trắng (ký hiệu m4) cần giám định, không xác định được khối lượng do mẫu quá ít, tìm thấy Ketamine.

- Gói 5: được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Đinh Công D, Lê Trường H2 (người chứng kiến) và hình dấu Công an phường B, quận B, bên trong có 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng chứa bột màu trắng (ký hiệu m5) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2008g (không phải hai không không tám gam), loại Ketamine.

- Gói 6: được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Đặng Thị Tuyết L, Trần Văn H3 (người chứng kiến) và hình dấu Công an phường B, quận B, bên trong có 01 gói nylon dính bột màu trắng (ký hiệu m6) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,3091g (năm phẩy ba không chín một gam), loại Ketamine, N.

+ Gói 07: được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Đinh Công D, Trần Văn H3 (người chứng kiến) và hình dấu Công an phường B, quận B, bên trong có 01 gói nylon dính bột màu trắng (ký hiệu m7) cần giám định, không xác định được khối lượng do mẫu quá ít, tìm thấy Ketamine.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định số: D1633/QĐ-CSMT-Q6 về việc trưng cầu giám định Phòng K3 Công an Thành phố H phục hồi và trích xuất toàn bộ dữ liệu trong: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro Max 256Gb, số I: 6103507170233 (bên trong có 01 thẻ sim dãy số 8401-2307-1281-4816-VNSKY) thu giữ của Lương Văn Túc T2 (ký hiệu A1); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max 128Gb, số Imei 1: 357183960394958 (không có khay sim) thu giữ của Bùi Hữu N1 (ký hiệu A2); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71, số Imei 1: 353408117764025 (bên trong có 01 thẻ sim dãy số 8401-2301-5035-7821-OT) thu giữ của Đinh Công D (ký hiệu A3).

Tại Kết luận giám định số: 8411/KL-KTHS ngày 16 tháng 7 năm 2025, Phòng K3 Công an Thành phố H đã kết luận:

1. Đã trích xuất được 11,5 Gb dữ liệu trong điện thoại di động ký hiệu A1.
2. Đã trích xuất được 12,7 Gb dữ liệu trong điện thoại di động ký hiệu A2.
3. Đã trích xuất được 6,84 Gb dữ liệu trong điện thoại di động ký hiệu A3.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 49/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị can đối với Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số: 62/QĐ-ĐCSMT và số: 63/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị can đối với Đinh Công D, Đặng Thị Tuyết L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Quyết định số: 64/QĐ-ĐCSMT và số: 65/QĐ-ĐCSMT).

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Mua bán trái phép chất ma túy” (Quyết định số: 3071/QĐ-ĐCSMT). Ngày 08/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can đối với Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Quyết định số: 4853/QĐ-CSMT-Q6 và số: 4854/QĐ-CSMT-Q6).

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Cẩm T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số: F314/QĐ-CSMT).

Ngày 29 tháng 10 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can đối với Đinh Công D, do Quyết định khởi tố bị can số: 64/QĐ-ĐCSMT ngày 16/4/2024 sai nơi ở của bị can (Quyết định số: F6679/QĐ-CSMT).

Từ lời khai của Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 xác định người bán ma túy cho T2 là Huỳnh Phú Q, sinh ngày: 24/8/1983, thường trú khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và Dương Tiểu N2, sinh ngày 12/6/1992, thường trú tổ B, ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, con ông Dương Minh C, con bà Lê Thị H4. Còn người mua ma túy của Nghĩa là Phạm Hòa T7, sinh ngày 07/4/2000, thường trú tổ D, ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, con ông Phạm Văn D1, con bà Trần Thị P1, nhưng đều đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Ngày 18/8/2024 và ngày 03/4/2025, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối với Huỳnh Phú Q, Dương Tiểu N2, Phạm Hòa T7 (Quyết định số: 2237/QĐ-TT-ĐCSMT, số: 2238/QĐ-TT-ĐCSMT và số: 4481/QĐ-CSMT-Q6), khi nào bắt được các đối tượng này điều tra làm rõ giải quyết sau.

Đối với Lê Võ Diễm H, không liên quan đến hành vi mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1, Nguyễn Thị Cẩm T, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm. Còn hành vi sử dụng ma túy của Lê Võ Diễm H thì ngày 11/4/2024, Công an P2, Quận F đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng đối với H (Quyết định số: 0015592/QĐ-XPHC).

Tại bản Cáo trạng số 176/CT-VKS-KV3 ngày 05 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

- Lương Văn Túc T2 về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, điểm n khoản 2

Điều 251; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bùi Hữu N1 về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 251; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Nguyễn Thị Cẩm T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đinh Công D, Đặng Thị Tuyết L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 140/2026/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Tuyên xử các bị cáo Lương Văn Túc T2 16 năm tù, bị cáo Bùi Hữu N1 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Đinh Công D 03 (ba) năm tù, bị cáo Đặng Thị Tuyết L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù với tội danh theo bản Cáo trạng truy tố.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phạt bổ sung về phạt tiền, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 04/5/2026 bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T kháng cáo kêu oan yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và xác nhận nội dung bản án sơ thẩm là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhận định bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T là đúng người, đúng tội, không oan sai. Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hậu quả của hành vi phạm tội thì mức án của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo là thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm

s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: đồng ý với tội danh và điều luật mà bản án sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo. Nhưng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi lẽ bị cáo từ quê mới lên thành phố, sống lệ thuộc vào chồng, thiếu hiểu biết pháp luật. Tham gia đồng phạm với chồng của bị cáo là bị cáo Lương Văn Túc T2 với vai trò giúp sức hạn chế, không đáng kể. Lần đầu sử dụng ma túy nên bị mê man không phải sử dụng liên tục nhiều lần. Từ đó, áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất dưới khung hình phạt.

- Bị cáo đồng ý với luận cứ của luật sư bào chữa cho bị cáo và không bổ sung.

- Kiểm sát viên đối đáp: căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong cùng vụ án, lời khai nhận của bị cáo T là phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để xác định các bị cáo đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy liên tục trong 04 lần tại nơi ở của vợ chồng bị cáo T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, với hai tình tiết định khung hình phạt là phạm tội 02 lần trở lên, đối với 02 người trở lên quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không có oan sai. Vì vậy, Kiểm sát viên bảo lưu quan điểm giải quyết vụ án đã trình bày.

- Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử phúc thẩm khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức khung hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 10 giờ ngày 05/4/2024, tổ công tác thuộc Công an P2, Quận F kiểm tra hành chính nhà số B đường B, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nhà này do vợ chồng Lương Văn Túc T2, Nguyễn Thị Cẩm T và bà Lê Võ Diễm H hùn tiền thuê của bà V Ứng Muối để ở). Thì phát hiện tại phòng ngủ của vợ chồng T2, T tại lầu 1 có một số đối tượng gồm Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1, Nguyễn Thị Cẩm T, Lê Võ Diễm H có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra, đã thu giữ ngay trong phòng 01 cái cốc có dính chất màu cam; 02 tờ tiền được cuộn tròn (01 tờ có mệnh giá 50.000 đồng dính bột màu trắng, 01 tờ có mệnh giá 1.000 đồng chứa tinh thể); 01 đĩa sứ bị vỡ có dính bột màu trắng.

Qua điều tra, có đủ căn cứ xác định: bị cáo Lương Văn Túc T2 và bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T là vợ chồng, cả hai thuê căn nhà số B đường B, Phường I, Quận F của bà V Ứng Muối để ở và đi làm. Trong thời gian ở tại đây, T2 và T đã nhiều lần cùng với Bùi Hữu N1, Lê Võ Diễm H và một số người bạn của T2 sử

dụng ma túy tại phòng ngủ của vợ chồng T2 và T, cụ thể: 04 lần vào các ngày 30/3, 02/4, 03/4 và 04/4/2024, địa điểm sử dụng ma túy đều tại phòng ngủ riêng của vợ chồng bị cáo T2 và T ở lầu 1; ma túy (Ketamine, thuốc lắc, nước vui) mà các bị cáo sử dụng là của hai bị cáo T2, N1, do hai bị cáo này hùn tiền mua; lần sử dụng gần nhất là tối ngày 04/4/2024, bị cáo T2 lấy ra khoảng 05 gam ma túy loại Ketamine và 05 viên thuốc lắc, bị cáo N1 lấy ra 01 bịch nước vui, rồi cùng bị cáo T và H sử dụng (phù hợp lời khai của các bị cáo Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1, Nguyễn Thị Cẩm T tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp lời khai của Lê Võ Diễm H tại Cơ quan điều tra. Trong vụ án này, bị cáo T2 ngoài việc cùng bị cáo N1 cung cấp ma túy (ngày 30/3/2024, các bị cáo khai ma túy do T4, X đem đến rủ các bị cáo sử dụng); thì bị cáo T2 còn cùng bị cáo N1 rủ rê, lôi kéo bị cáo T và H sử dụng chung ma túy, bị cáo T2 còn cùng bị cáo T cung cấp địa điểm sử dụng ma túy (phòng ngủ riêng của vợ chồng bị cáo), cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy (các tờ tiền Việt Nam có mệnh giá 1.000 đồng, 50.000 đồng được cuộn tròn lại để sử dụng ma túy; đĩa sứ, cốc chứa ma túy; bật lửa).

Nguồn gốc số ma túy là vào ngày 03/4/2024, bị cáo Lương Văn Túc T2 đã liên hệ người tên P mua khoảng 100 gam ma túy loại Ketamine và 100 viên thuốc; liên hệ một người tên N2 mua 48 gói nước vui. Số ma túy mua được, T2 đã sử dụng 10 gam Ketamine, 13 viên thuốc lắc; phân chia cho N1 75 gam Ketamine, 65 viên thuốc lắc, 45 gói nước vui, đổi với 15 gam Ketamine, 22 viên thuốc lắc và 03 gói nước vui còn lại T2 đã đổ bỏ trước khi bị Cơ quan Công an kiểm tra bắt giữ tuy nhiên cũng nhằm mục đích mua bán.

Do đó, bị cáo T2 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, đối với 90 gam ma túy loại Ketamine, 87 viên thuốc lắc, 48 gói nước vui.

Đối với bị cáo Bùi Hữu N1 có hành vi mua lại của bị cáo T2 75 gam ma túy Ketamine, 65 viên thuốc lắc và 45 gói nước vui để bán lại cho đối tượng T7 ở P với số lượng 75 gam ma túy Ketamine, 65 viên thuốc lắc và 44 gói nước vui nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy đối với số lượng ma túy này.

Từ lời khai của bị cáo Lương Văn Túc T2, ngày 05/4/2024 tổ công tác thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Q1 phối hợp với Công an phường B, quận B kiểm tra hành chính nhà số A đường Đ, phường B, quận B. Tại thời điểm kiểm tra, trong nhà có mặt Đinh Công D và Đặng Thị Tuyết L (bạn gái của D) có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra, tổ công tác đã thu giữ trong túi xách màu nâu của L 01 gói nylon màu đỏ có chữ “Ferari” chứa bột màu trắng qua giám định là ma túy có khối lượng 5,5099 gam Ketamine, N4; thu giữ trong chiếc ví màu đen của D 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng (được cuộn tròn), bên trong chứa chất bột màu trắng và 01 gói nylon dính bột màu trắng (L và D đều khai là ma túy) cất giấu để sử dụng.

Đối với Lê Võ Diễm H được cho sử dụng trái phép chất ma túy, không tham gia vào quá trình tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an P2, Quận F

đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15592/QĐ-XPHC ngày 15/4/2024 xử phạt H số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với các đối tượng N2, P, M, T3, L1 là các đối tượng đã bán ma túy cho T2, T7 là người đã mua ma túy của N1, Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm, khi bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng K1 do chưa rõ lai lịch, chưa xác định được địa điểm nên Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét, khi bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với T4 và X do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét, khi bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với chủ nhà Vòng Ứng Muối do không biết việc vợ chồng T2 và T thuê nhà để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không đủ căn cứ xử lý về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Như vậy:

- Hành vi khách quan của các bị cáo Lương Văn Túc T2, Nguyễn Thị Cẩm T, Bùi Hữu N1 đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (viết tắt là Bộ luật Hình sự), với hai tình tiết định khung hình phạt là “*phạm tội 02 lần trở lên; đối với 02 người trở lên*”.

- Hành vi khách quan của các bị cáo Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1 còn phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b (điểm b áp dụng đối với bị cáo T2) điểm n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, với hai tình tiết định khung hình phạt là “*phạm tội 02 lần trở lên; các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 20 gam đến dưới 100 gam*”.

- Hành vi khách quan của các bị cáo Đinh Công D và Đặng Thị Tuyết L đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[2] Với hành vi khách quan nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử:

- Các bị cáo Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm).

- Các bị cáo Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b (điểm b áp dụng đối với bị cáo T2) điểm n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự (thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm).

- Các bị cáo Đinh Công D và Đặng Thị Tuyết L đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm).

Là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Các bị cáo Lương Văn Túc T2, Bùi Hữu N1, Đinh Công D và Đặng Thị Tuyết L không kháng cáo, không bị kháng nghị nên án đã tuyên đối với họ đã có hiệu lực pháp luật.

- Còn bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T bị xét xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm).

Và khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T: là có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải quy định; có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 07 (bảy) năm tù là trong khung hình phạt, có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T cho rằng bản thân bị thụ động, lệ thuộc vào bị cáo Lương Văn T6 Tổ trong hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, bị cáo T không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới.

Tại tiêu mục 6.1 của Mục 6 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24-12-2007 có quy định: *“tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy được hiểu là thực hiện một trong các hành vi bố trí, sắp xếp, điều hành con người, phương tiện; cung cấp ma túy, điểm, phương tiện, dụng cụ... để thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy.”*

Như vậy, hành vi khách quan của bị cáo T đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Cùng với lập luận tại đoạn [1], thì kháng cáo của bị cáo T là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử đối với bị cáo T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định điểm a điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội và không có oan sai.

Mặc khác, bị cáo T chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tham gia đồng phạm cùng bị cáo Lương Văn T6 Tổ đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, với 02 tình tiết định khung hình phạt là *“phạm tội 02 lần trở lên; đối với 02 người trở lên”* nên không đủ điều kiện áp dụng khoản 1 khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hậu quả của hành vi phạm tội thì mức án của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo T là phù hợp.

[3] Với lập luận tại đoạn [1] và [2] là căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận hay không chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, yêu cầu kháng cáo của bị cáo, trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo.

Và giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Xét về án phí đối với bị cáo: phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao;(1) **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tp . HCM;(3)

- VKSND Khu vực 3; (1)

- THA-DS Khu vực 3; (1)

- TAND Khu vực 3; (2)

- Công an Tp . HCM; (1)

- Phòng PV 06 - CA Tp. HCM;(1)

- Bị cáo;(1) **Bùi Đức Nam**

- Sở Tư pháp; (1)

- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)

- Lưu, hình sự, hồ sơ; (17) (4)